TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 26-4-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tiến Thành

Ông Đào Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Thông báo số 58/TB-TA ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951

Địa chỉ cư trú: Tổ A, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Yến P, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy ngày 11/4/2023).

- *Bị đơn:* Bà Biền Thị C, sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1953; Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ cư trú: Adolsess …-55CT-S-W, Wyoming-MI 49… USA.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Yến P, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy ngày 19/5/2022).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1956

Địa chỉ cư trú: Tổ B, khu phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ cư trú: Tổ G, khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

4. Chị Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1991

5. Chị Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, trừ bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Yến P là người đại diện theo ủy quyền của bà T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Cha mẹ bà Nguyễn Thị T là cụ Nguyễn Văn C1 (chết ngày 08/5/2003) và cụ Lê Thị H1 (chết ngày 06/10/1993) có 06 người con gồm: Nguyễn Thị B (chết ngày 02/8/2012, không có chồng, con), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T3 (chết ngày 02/10/2016). Ông Nguyễn Văn T3 có vợ là bà Biền Thị C và 02 người con là Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2. Cha mẹ bà T không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Khi còn sống, cha mẹ bà T có tạo lập khối tài sản gồm diện tích đất đo đạc thực tế là 313,9m^2 tọa lạc tại tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Trên thửa đất này có: 01 nhà xây, mái tôn, có diện tích 60,8m^2 (theo các đương sự là nhà tự), 01 giếng đào xây gạch, các tài sản này do cha mẹ bà T tạo lập; 01 nhà tạm đã cũ có diện tích 15m^2 do cha, mẹ bà T cho tiền để vợ chồng ông T3, bà C xây dùng để bán quán; 01 nhà xây có diện tích 81,4m^2 do vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Biền Thị C xây dựng. Toàn bộ nhà, đất này chưa được cấp giấy chứng nhận. Cha, mẹ bà T chết không để lại di chúc.

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế do cha mẹ bà chết để lại, cụ thể: Phần đất mà vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Biền Thị C đã xây dựng nhà và hiện đang sử dụng chia cho bà Biền Thị C và các con; Phần nhà tự và diện tích đất còn lại chia cho 04 chị em của bà T được quyền sử dụng chung.

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà T yêu cầu chia di sản thừa kế do cha, mẹ bà chết để lại theo quy định của pháp luật, giao phần đất mà vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Biền Thị C đã xây dựng nhà và hiện đang sử dụng cho bà Biền Thị C và các con; Phần nhà tự và diện tích đất còn lại chia cho 04 chị em của bà được quyền sử dụng chung, bên nào nhận hiện vật nhiều hơn trị giá kỷ phần thừa kế được hưởng thì hoàn lại giá trị chênh lệch.

Bị đơn bà Biền Thị C trình bày:

Bà thống nhất về quan hệ huyết thống, thời điểm chết và hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Lê Thị H1, cũng như nguồn gốc nhà, đất tranh chấp như lời khai của bà Nguyễn Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C đề nghị Tòa án chia phần diện tích đất theo hiện trạng sử dụng cho mẹ con bà và phân chia phần đất phía trước nhà tự để làm lối đi vào nhà của bà là 2m.

Tại phiên tòa, bà C thay đổi ý kiến, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế di sản do vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Lê Thị H1 chết để lại theo quy định của pháp luật, nhưng không đồng ý nhận hiện vật, đề nghị nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn bà Biền Thị C.

3. Bà Nguyễn Thị T1 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2022: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Nếu bà được chia thừa kế thì kỷ phần của bà được chia, bà tạm giao cho người đại diện theo ủy quyền của bà là bà Nguyễn Thị Yến P quản lý, trông coi giúp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

1. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 633, 634, 635, 638, 675, 676, 683 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 611, 612, 613, 615, 616, 617, 60, 651, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Khối di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Lê Thị H1 được trừ phần công sức quản lý di sản 15% cho mẹ con bà Biền Thị C;

- Xác định có 05 kỷ phần thừa kế;

- Giao di sản thừa kế là thửa đất có diện tích 313,9m^2 và căn nhà cũ cho bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị H; Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1 giá trị 01 kỷ phần và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 01 kỷ phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bà Nguyễn Thị T1, nhưng có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Yến P, nên Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt bà T1 như đề nghị của các đương sự có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất thừa nhận về hàng thừa kế, di sản thừa kế và trị giá di sản thừa kế, cụ thể:

[2.1.1] Vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 (chết ngày 08/5/2003) và cụ Lê Thị H1 (chết ngày 06/10/1993) có 06 người con gồm: Nguyễn Thị B (chết ngày 02/8/2012, không có chồng, con), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T3 (chết ngày 02/10/2016); ông Nguyễn Văn T3 có vợ là Biền Thị C và 02 người con là Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2. Cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Lê Thị H1 không có con nuôi hay con riêng nào khác.

[2.1.2] Khi còn sống, vợ chồng cụ C1, cụ H1 có tạo lập được khối tài sản gồm diện tích đất được đo đạc thực tế là 313,9m^2 tọa lạc tại tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (theo Bản đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết đo vẽ và xác nhận ngày 24/11/2022); trên đất có: 01 nhà tạm dùng để làm quán bán hàng có diện tích 15m^2; 01 giếng đào xây gạch; 01 nhà xây, mái tôn (nằm phía sau nhà tạm), có diện tích 60,8m^2; 01 nhà xây có diện tích 81,4m^2 do vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Biền Thị C xây dựng. Nhà, đất này chưa được cấp giấy chứng nhận. Cụ C1, cụ H1 chết không để lại di chúc. Các bên đương sự đều thống nhất xác định di sản của vợ chồng cụ C1, cụ H1 chết để lại gồm: Diện tích đất đo đạc thực tế là 313,9m^2 tọa lạc tại tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận và 01 nhà xây, mái tôn, có diện tích 60,8m^2 (gồm phần nhà có diện tích 49,5m^2 + diện tích phần kiềng xây phía trước 11,3m^2), 01 giếng đào xây gạch; còn căn nhà tạm có diện tích 15m^2 và nhà xây có diện tích 81,4m^2 là của vợ chồng ông T3, bà C xây dựng.

[2.1.2] Giá trị di sản các bên đương sự thống nhất theo Chứng thư thẩm định giá số 0137/23/CTTĐ-AVAE-HCM ngày 20/02/2023 của Công ty Cổ phần G – Chi nhánh H2 như sau:

- Diện tích 313,9m^2 đất tọa lạc tại tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; trong đó, diện tích đất do bà Biền Thị C và các con đang sử dụng là 175,2m^2, được giới hạn bởi các mốc toạ độ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 35, 34, 33, 31, 30, 29, 24, 25 theo Bản đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết đo vẽ và xác nhận ngày 24/11/2022 (trên đất có căn nhà diện tích 81,4m^2 do vợ chồng ông T3, bà C xây dựng), được định giá theo hiện trạng là 18.171.000đồng/m^2; phần diện tích còn lại 138,7m^2, được giới hạn bởi các mốc toạ độ 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35 theo Bản đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết đo vẽ và xác nhận ngày 24/11/2022, được định giá theo hiện trạng là 21.573.000đồng/m^2;

- 01 nhà xây (theo các đương sự là nhà tự), mái tôn, có diện tích 49,5m^2 (trên phần diện tích đất 138,7m^2), trị giá: 31.680.000đồng (chưa định giá phần diện tích phần kiềng xây phía trước 11,3m^2). Tuy nhiên, tại phiên tòa, các bên thống nhất nhà có diện tích 49,5m^2 + diện tích phần kiềng xây phía trước 11,3m^2 có tổng trị giá là 31.680.000đồng.

Tổng trị giá di sản do vợ chồng cụ C1 và cụ H1 chết để lại là 6.207.414.300đồng.

[2.2] Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, các bên đương sự đều thừa nhận ông Nguyễn Văn T3 sống với cha mẹ từ nhỏ, đến khi lấy vợ là bà Biền Thị C thì hai vợ chồng cùng sống, quản lý nhà và đất do cha mẹ tạo lập đến nay; còn bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị H lấy chồng và sinh sống nơi khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2015, tính công sức bảo quản, quản lý di sản cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Biền Thị C bằng 20% trên tổng di sản do vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Lê Thị H1 chết để lại, trị giá 20% x 6.207.414.300đồng = 1.241.482.860đồng (1).

[2.2.2] Như vậy, di sản do vợ chồng cụ C1 và cụ H1 còn lại trị giá 6.207.414.300đồng - 1.241.482.860đồng = 4.965.931.440đồng. Do vợ chồng cụ C1 và cụ H1 chết không để lại di chúc, nên phần di sản này chia thừa kế theo pháp luật cho các con gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T3 (do bà Nguyễn Thị B chết ngày 02/8/2012, không có chồng, con), mỗi người được hưởng kỷ phần trị giá 4.965.931.440đồng : 5 = 993.186.288đồng (2). Do ông Nguyễn Văn T3 đã chết nên kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 giao cho bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 được hưởng.

[2.2.3] Chia bằng hiện vật:

Do phần diện tích 313,9m^2 đất tọa lạc tại tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; trong đó, diện tích đất do bà Biền Thị C và các con hiện đang sử dụng là 175,2m^2, trị giá 3.183.559.200đồng (3), trên phần diện tích đất này có căn nhà diện tích 81,4m^2 do vợ chồng ông T3, bà C xây dựng, nên giao phần diện tích đất này cho bà C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2; Đối với phần diện tích đất còn lại 138,7m^2, trị giá 2.992.175.100đồng, trên đất có căn nhà tự có diện tích 49,5m^2 và diện tích phần kiềng xây phía trước 11,3m^2 (trị giá là 31.680.000đồng) giao cho 04 chị em bà T là bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Ngọc D và Nguyễn Thị H.

Ngoài ra, trên phần diện tích 138,7m^2 còn có căn nhà tạm 15m^2 của vợ chồng ông T3, bà C trị giá 3.000.000đồng (4), nên giao cho 04 chị em bà T là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H nhận; bà

Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn lại trị giá bằng tiền cho bà C và các con.

Riêng 01 cái giếng đào xây gạch trên phần diện tích 138,7m^2 đã cũ, giá trị còn lại không đáng kể, các bên không tranh chấp, do phần diện tích đất này được giao cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H, nên Hội đồng xét xử giao cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H giếng này là phù hợp.

Như vậy, tổng trị giá bằng hiện vật bà Biền Thị C và các con được nhận là 3.183.559.200đồng, trừ giá trị di sản vợ chồng ông T3, bà C được hưởng là (1) + (2) = 1.241.482.860đồng + 993.186.288đồng = 2.234.669.148đồng (5); bà C và các con phải có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H là (3) – (4) – (5) = 3.183.559.200đồng - 3.000.000đồng - 2.234.669.148đồng = 945.890.052đồng, chia phần bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H mỗi người được nhận 236.472.513đồng do bà C và các con hoàn lại.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí ủy thác tư pháp:

3.1. Các đương sự phải chịu tương ứng theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia thừa kế theo quy định tại khoản 2 Điều 153, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí ủy thác tư pháp tổng cộng là 52.683.500đồng, nên các đương sự còn lại phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T tương ứng với khoản tiền phải chịu theo quy định tại Điều 154, Điều 158, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Về án phí:

5.1. Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà T, bà D và bà H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5.2. Các đương sự còn lại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 153, Điều 154, khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 609, Điều 613, Điều 630, Điều 649, Điều 650, Điều 651, khoản 3 Điều 658, Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 7, Điều 8 Luật Nhà ở 2014; Khoản 2 Điều 5 Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

1. Xác định phần di sản do vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Lê Thị H1 chết để lại gồm:

1.1. Diện tích 313,9m^2 đất tọa lạc tại tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; trong đó, diện tích đất do bà Biền Thị C và các con hiện đang sử dụng là 175,2m^2, được giới hạn bởi các mốc toạ độ từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 35, 34, 33, 31, 30, 29, 24, 25 theo Bản đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết đo vẽ và xác nhận ngày 24/11/2022 (trên đất có căn nhà diện tích 81,4m^2 do vợ chồng ông T3, bà C xây dựng), được định giá theo hiện trạng là 18.171.000đồng/m^2, thành tiền là 3.183.559.200đồng; phần diện tích còn lại 138,7m^2, được giới hạn bởi các mốc toạ độ 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35 theo Bản đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết đo vẽ và xác nhận ngày 24/11/2022, được định giá theo hiện trạng là 21.573.000đồng/m^2, thành tiền là 2.992.175.100đồng;

1.2. 01 nhà xây (nhà tự), mái tôn, có diện tích 49,5m^2 và diện tích phần kiềng xây phía trước 11,3m^2 (trên phần diện tích đất 138,7m^2), trị giá: 31.680.000đồng.

Tổng trị giá di sản do vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Lê Thị H1 chết để lại là 6.207.414.300đồng.

2. Tính công sức bảo quản, quản lý di sản cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Biền Thị C 20% trên tổng trị giá di sản tại mục 1 nêu trên, trị giá 1.241.482.860đồng. Do ông Nguyễn Văn T3 đã chết nên giao cho bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 được nhận phần công sức bảo quản, quản lý di sản này (2.1).

3. Chia di sản thừa kế bằng tiền:

Phần di sản do vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 và cụ Lê Thị H1 chết để lại sau khi tính công sức bảo quản, quản lý di sản cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Biền Thị C là 4.965.931.440đồng được chia bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T3, mỗi người được hưởng 993.186.288đồng (3.1).

Kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 được chia nêu trên giao cho bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 được hưởng.

Tổng giá trị di sản thừa kế bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 được hưởng là (2.1) + (3.1) = 1.241.482.860đồng + 993.186.288đồng = 2.234.669.148đồng.

4. Chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

4.1. Tạm giao cho bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 diện tích 175,2m^2 đất tọa lạc tại tổ B, khu phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, được giới hạn bởi các mốc toạ độ từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 35, 34, 33, 31, 30, 29, 24, 25 theo Bản đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết đo vẽ và xác nhận ngày 24/11/2022 (trị giá 3.183.559.200đồng).

4.2. Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 (do bà Nguyễn Thị Yến P đại diện), bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 138,7m^2 đất, được giới hạn bởi các mốc toạ độ 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35 theo Bản đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết đo vẽ và xác nhận ngày 24/11/2022 (trị giá 2.992.175.100đồng) và được sở hữu các tài sản gắn liền với đất, gồm: căn nhà tự có diện tích 49,5m^2 + diện tích phần kiềng xây phía trước 11,3m^2 (trị giá là 31.680.000đồng), căn nhà tạm 15m^2 (trị giá 3.000.000đồng) và 01 cái giếng đào xây gạch.

[4.3] Bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 (do bà Nguyễn Thị Yến P đại diện), bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H 945.890.052đồng, chia phần: bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 (do bà Nguyễn Thị Yến P đại diện), bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H mỗi người được nhận 236.472.513đồng.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí ủy thác tư pháp:

5.1. Bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 phải chịu 18.966.060đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí ủy thác tư pháp.

5.2. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 (do bà Nguyễn Thị Yến P đại diện), bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 8.429.360đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí ủy thác tư pháp.

5.3. Bà Nguyễn Thị T đã nộp tổng cộng 52.683.500đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí ủy thác tư pháp, nên bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T 18.966.060đồng; bà Nguyễn Thị T1 (do bà Nguyễn Thị Yến P đại diện), bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị H mỗi người có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 8.429.360đồng.

6. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được khấu trừ vào số tiền 200.000đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0027930 ngày 23/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận; Bà T đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp.

7. Về án phí:

7.1. Buộc bà Biền Thị C và các con Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Thị Phương T2 phải chịu 76.693.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7.2. Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 41.795.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7.3. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T 2.500.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005603 ngày 23/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

8. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2023).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đính kèm Bản đồ đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết đo vẽ và xác nhận ngày 24/11/2022).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái